



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC THỦ Y CẠI LẬY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại số 560 Quốc lộ 1A, khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các phương án tăng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Khai thác thủy sản biển.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Kinh doanh phân bón. Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ. Nuôi trồng thủy sản biển.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Chăn nuôi gia cầm.
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản. Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thư	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phước	Thành viên
Ông Lê Hồng Hải	Thành viên
Ông Trần Hoàng Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thư	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CẠI LẬY

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Cai Lậy, ngày 23 tháng 8 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN VINH



Số: 13.152/BCSX-2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:
Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2012



TANG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.752.098.424	12.382.128.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		428.834.875	1.243.254.998
1. Tiền	111	5.1	428.834.875	1.243.254.998
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	900.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		900.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.3	4.266.670.273	5.050.545.018
1. Phải thu khách hàng	131		6.659.677.313	7.449.403.064
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.992.960	1.141.954
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		5.950.374.439	5.394.594.919
1. Hàng tồn kho	141	5.4	5.950.374.439	5.394.594.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.206.218.837	693.733.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.185.318	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		69.996	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	46.319.986
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	1.168.963.523	647.413.975

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.265.928.440	7.085.956.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.846.736.993	6.732.585.049
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	1.733.700.790	1.903.187.739
+ Nguyên giá	222		6.883.802.192	6.804.689.935
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.150.101.402)	(4.901.502.196)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	1.558.368.895	1.562.780.002
+ Nguyên giá	228		1.700.100.000	1.732.500.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(141.731.105)	(169.719.998)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	3.554.667.308	3.266.617.308
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	200.000.000	200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		200.000.000	200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		219.191.447	153.371.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	219.191.447	153.371.821
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.018.026.864	19.468.085.766

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.625.341.600	7.443.032.597
I. Nợ ngắn hạn	310		7.044.274.332	6.853.366.947
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	4.100.000.000	4.500.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.12	1.286.244.240	1.066.039.198
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	876.991.992	690.519.813
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	309.779.657	80.405.517
5. Phải trả người lao động	315	5.14	238.314.470	368.206.429
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	190.213.928	148.195.990
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	42.730.045	-
II. Nợ dài hạn	330		581.067.268	589.665.650
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	472.453.000	528.453.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		88.614.268	41.212.650
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		20.000.000	20.000.000
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.392.685.264	12.025.053.169
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	12.392.685.264	12.025.053.169
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.236.000.000	11.236.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(380.000)	(380.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		508.817.459	488.817.459
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		234.485.665	214.485.665
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		413.762.140	86.130.045
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.018.026.864	19.468.085.766

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAILẬY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.903.303.817	1.903.303.817
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		218,38	3.117,61
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN HOÀNG SƠN

Cai Lậy, ngày 27 tháng 7 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	19.931.972.643	19.167.769.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	2.181.646.260	32.360.377
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	17.750.326.383	19.135.409.290
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.756.020.598	13.096.856.671
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.994.305.785	6.038.552.619
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	20.294.909	20.832.455
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.511.756.989	1.222.215.297
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		416.448.268	501.794.423
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	4.410.811.588	2.718.205.738
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	1.559.711.259	5.465.260.170
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		532.320.858	(3.346.296.131)
11. Thu nhập khác	31	6.7	59.181.818	17.834.636
12. Chi phí khác	32	6.8	74.300.000	6.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(15.118.182)	11.834.636
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		517.202.676	(3.334.461.495)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	103.440.535	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		413.762.141	(3.334.461.495)

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 TRẦN HOÀNG SƠN

Cai Lậy, ngày 27 tháng 7 năm 2012



TỔNG GIÁM ĐỐC


 NGUYỄN VĂN VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		517.202.676	(3.334.461.495)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		271.010.313	255.621.810
Các khoản dự phòng	03		-	4.800.000.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.093.683)	(20.832.455)
Chi phí lãi vay	06		416.448.268	501.794.423
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.193.567.574	2.202.122.283
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		262.255.201	(2.874.801.631)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(578.979.520)	294.126.967
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuê thu nhập phải nộp)	11		601.056.791	378.537.840
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.751.535)	(17.187.339)
Tiền lãi vay đã trả	13		(416.448.268)	(501.794.423)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(120.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(49.038.382)	(108.989.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		1.009.661.860	(747.985.403)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(479.175.666)	(37.989.682)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(900.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.093.683	20.832.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.368.081.983)	(17.157.227)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CẠI LẬY**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.900.000.000	8.230.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.356.000.000)	(8.645.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(456.000.000)	(515.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(814.420.123)	(1.280.142.630)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.243.254.998	2.932.017.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		428.834.875	1.651.875.348

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TRẦN HOÀNG SƠN**

Cai Lậy, ngày 27 tháng 7 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC**NGUYỄN VĂN VINH**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 560 Quốc lộ 1A, khu 5, Thị trấn Cai lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các phương án tăng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Khai thác thủy sản biển.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Kinh doanh phân bón.
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ.
- Nuôi trồng thủy sản biển.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Chăn nuôi gia cầm.
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản.
- Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẠY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẠY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 06 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
+ Tài sản cố định vô hình	05 năm
+ Quyền sử dụng đất	Không khấu hao

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Giấy phép đầu tư số 1200505472 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 01 năm 2003, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% trong 10 năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	16.277.037	375.584.642
Tiền gửi ngân hàng	412.557.838	867.670.356
Tổng cộng	428.834.875	1.243.254.998

(Phần tiếp theo ở trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẠY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	900.000.000	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	900.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	900.000.000	-

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	6.659.677.313	7.449.403.064
Các khoản phải thu khác	6.992.960	1.141.954
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	6.666.670.273	7.450.545.018
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	4.266.670.273	5.050.545.018

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.782.288.933	2.890.089.877
Công cụ, dụng cụ	5.410.000	-
Thành phẩm	786.991.157	815.450.745
Hàng hóa	764.176.126	848.184.812
Hàng gửi bán	611.508.223	840.869.485
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.950.374.439	5.394.594.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	5.950.374.439	5.394.594.919

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng mua vật tư và tạm ứng công tác của nhân viên.

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAI LẠY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.906.236	2.037.402	1.709.727	151.325	6.804.690
Đầu tư XDCB hoàn thành	48.118	-	-	30.994	79.112
Số dư cuối kỳ	2.954.354	2.037.402	1.709.727	182.319	6.883.802
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.053.957	1.706.280	1.060.518	80.747	4.901.502
Khấu hao trong kỳ	50.784	80.861	100.454	16.501	248.600
Số dư cuối kỳ	2.104.741	1.787.141	1.160.972	97.248	5.150.102
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	852.279	331.122	649.209	70.578	1.903.188
Tại ngày cuối kỳ	849.613	250.261	548.755	85.071	1.733.700

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là: 1.287.219.601 đồng – xem thêm mục 5.11 và 5.17.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.296.536.367 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chi phí cấp phép sản xuất	Chuyển giao quy trình sản xuất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.462.100	50.400	150.000	70.000	1.732.500
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	18.000	18.000
Thanh lý trong kỳ	-	(50.400)	-	-	(50.400)
Số dư cuối kỳ	1.462.100	-	150.000	88.000	1.700.100
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	48.720	117.500	3.500	169.720
Khấu hao trong kỳ	-	1.680	15.000	5.731	22.411
Thanh lý trong kỳ	-	(50.400)	-	-	(50.400)
Số dư cuối kỳ	-	-	132.500	9.231	141.731
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.462.100	1.680	32.500	66.500	1.562.780
Tại ngày cuối kỳ	1.462.100	-	17.500	78.769	1.558.369

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 1.462.100.000 đồng – xem thêm mục 5.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình nhà máy sản xuất thuốc thú y Cai Lậy	504.667.308	200.617.308
Đất 2.048,6 m2 huyện Chợ Gạo	1.500.000.000	1.500.000.000
Đất 6.989,9 m2 huyện Cai Lậy	1.550.000.000	1.550.000.000
Khác	-	16.000.000
Tổng cộng	3.554.667.308	3.266.617.308

5.9. Đầu tư vào công ty con

Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MKV Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311392818 ngày 05 tháng 12 năm 2011.

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí công cụ, dụng cụ còn phân bổ.

5.11. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang được thế chấp bằng tài sản (xem thêm mục 5.6 và 5.7) theo hợp đồng thế chấp số 120009/HĐTD ngày 11/01/2012, thời hạn vay tối đa 07 tháng và chịu lãi suất thả nổi theo từng giấy nhận nợ.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	1.286.244.240	1.066.039.198
Người mua trả tiền trước	876.991.992	690.519.813
Tổng cộng	2.163.236.232	1.756.559.011

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải trả cho Công ty TNHH MKV Việt Nam tại ngày 30/06/2012 là: 595.800.000 đồng – Xem thêm mục 7

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	95.543.011	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.788.967	-
Thuế thu nhập cá nhân	80.405.517	80.405.517
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	44.042.162	-
Tổng cộng	309.779.657	80.405.517

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 6 năm 2012 còn phải trả.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	22.000.000	10.000.000
Bảo hiểm xã hội	30.017.938	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.195.990	138.195.990
Tổng cộng	190.213.928	148.195.990

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong kỳ	46.130.045	-
Sử dụng trong kỳ	(3.400.000)	-
Số dư cuối kỳ	42.730.045	-

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	284.000.000	340.000.000
Vay đối tượng khác	188.453.000	188.453.000
Tổng cộng	472.453.000	528.453.000

Vay dài hạn ngân hàng là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 117032/HDTD ngày 11 tháng 10 năm 2011 chịu lãi suất thả nổi theo từng giấy nhận nợ và được bảo đảm bằng tài sản của Công ty – Xem thêm mục 5.6.

Vay đối tượng khác là các khoản vay kinh phí sự nghiệp khoa học từ Sở khoa học công nghệ Tỉnh Tiền Giang nhằm đầu tư dự án trồng cây trà để trích tinh dầu, khoản vay này không tính lãi.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.600.000	(80)	388.813	139.086	1.550.322	12.678.141
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	93.294	93.294
Mua cổ phiếu quỹ	-	(300)	-	-	-	(300)
Trích lập quỹ	-	-	100.000	80.000	(285.486)	(105.486)
Chia cổ tức	636.000	-	-	-	(1.272.000)	(636.000)
Tăng khác	-	-	5	-	-	5
Giảm khác	-	-	-	(4.601)	-	(4.601)
Số dư đầu năm nay	11.236.000	(380)	488.818	214.485	86.130	12.025.053
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	413.762	413.762
Trích lập quỹ	-	-	20.000	20.000	(86.130)	(46.130)
Số dư cuối kỳ	11.236.000	(380)	508.818	234.485	413.762	12.392.685

5.18.2. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	1.123.600	1.123.600
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(38)	(38)
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.123.562	1.123.562
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	19.931.972.643	19.167.769.667
Chiết khấu thương mại	(2.103.741.476)	(32.360.377)
Hàng bán bị trả lại	(77.904.784)	-
Doanh thu thuần	17.750.326.383	19.135.409.290

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	9.756.020.598	13.096.856.671
Tổng cộng	9.756.020.598	13.096.856.671

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.093.683	20.832.455
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.201.226	-
Tổng cộng	20.294.909	20.832.455

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	416.448.268	501.794.423
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.095.308.721	720.420.874
Tổng cộng	1.511.756.989	1.222.215.297

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	568.139.070	476.260.632
Chi phí vật liệu, bao bì	662.324	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.577.752	105.850.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	614.389.009	804.603.027
Chi phí khác bằng tiền	3.196.043.433	1.331.491.875
Tổng cộng	4.410.811.588	2.718.205.738

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	433.570.928	320.999.765
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.370.231	44.596.016
Chi phí khấu hao TSCĐ	130.881.339	60.040.000
Thuế, phí và lệ phí	140.052.496	93.837.589
Chi phí dự phòng	110.000.000	4.800.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.278.489	52.205.350
Chi phí khác bằng tiền	642.557.776	93.581.450
Tổng cộng	1.559.711.259	5.465.260.170

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ cho thuê nhà	59.181.818	16.363.636
Thu nhập khác	-	1.471.000
Tổng cộng	59.181.818	17.834.636

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	-	1.000.000
Chi phí khác	74.300.000	5.000.000
Tổng cộng	74.300.000	6.000.000

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	517.202.676	(3.334.461.495)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	517.202.676	(3.334.461.495)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	103.440.535	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các kỳ trước	-	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	103.440.535	-

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.287.084.479
Chi phí nhân công	1.829.683.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	271.010.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	757.799.252
Chi phí khác bằng tiền	4.468.497.523
Tổng cộng	15.614.075.171

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, đơn vị sau đây được xem là bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH MKV Việt Nam	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả - Xem thêm mục 5.12	(595.800.000)	-

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Mua hàng	2.169.822.770	-
Trả tiền hàng	1.574.022.770	-
Phí vận chuyển hàng	6.160.000	-
Thanh toán phí vận chuyển hàng	6.160.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	13.200.000	29.000.000
Lương Tổng Giám đốc	65.000.000	67.211.538
Lương các nhân viên chủ chốt khác	56.000.000	48.673.078
Tổng cộng	134.200.000	144.884.616

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	428.834.875	1.243.254.998
Đầu tư tài chính ngắn hạn	900.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.266.670.273	5.050.545.018
Tổng cộng	5.595.505.148	6.293.800.016
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.572.453.000	5.028.453.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.424.440.230	1.204.235.188
Tổng cộng	5.996.893.230	6.232.688.188

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CẠI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	-	-	218,38	3.117,61

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.424.440.230	-	1.424.440.230
Các khoản vay	4.100.000.000	472.453.000	4.572.453.000
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.204.235.188	-	1.204.235.188
Các khoản vay	4.500.000.000	528.453.000	5.028.453.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Đầu tư tài chính ngắn hạn	900.000.000	-	900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.266.670.273	-	4.266.670.273
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.050.545.018	-	5.050.545.018

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 7 năm 2012.

Cai Lậy, ngày 27 tháng 7 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN HOÀNG SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN VINH